

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: 3863 /QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng
Cảng Hòn La, tỷ lệ 1/2000.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/09/2021 của Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1030/QĐ-TTg ngày 13/07/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển Hệ thống dự trữ dầu thô và các sản phẩm xăng dầu của Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 851/QĐ-TTg ngày 10/07/2012 của Thủ tướng Chính phủ đã về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình đến năm 2030;



Căn cứ Quyết định số 33/2022/QĐ-UBND ngày 24/08/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp về lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng; quản lý kiến trúc; cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 3761/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của UBND tỉnh phê duyệt phân khu xây dựng cảng Hòn La, tỷ lệ 1/2.000;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch phân khu Cảng Hòn La, tỷ lệ 1/2000;

Xét Tờ trình số 1313/TTr-KKT ngày 9/10/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế kèm theo Hồ sơ trình phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phân khu cảng Hòn La, tỷ lệ 1/2000;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 3456/BC-SXD ngày 25/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng Cảng Hòn La, tỷ lệ 1/2000, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Vị trí, ranh giới, quy mô lập quy hoạch

- Vị trí lập quy hoạch tại xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, thuộc phạm vi Khu kinh tế Hòn La, có ranh giới cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp tuyến đường giao thông nối từ Khu công nghiệp cảng biển Hòn La đến Hòn Cỏ;

+ Phía Đông và phía Nam tiếp giáp mặt nước biển;

+ Phía Tây giáp đất rừng trồng cây hiện trạng.

- Diện tích lập quy hoạch 224,01 ha: Trong đó Diện tích quy hoạch phân khu xây dựng cảng Hòn La đã được phê duyệt (Quyết định 3761/QĐ-UBND ngày 16/11/2016) là 194,37 ha; Diện tích cập nhật theo quy mô quy hoạch quốc gia (Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/09/2021; Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2030) là 29,64 ha.

2. Tính chất: Cảng Hòn La thuộc Cảng biển Quảng Bình, nằm trong Nhóm cảng biển số 2, là khu chức năng (Bến cảng biển loại II, theo quy định của Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/09/2021); bao gồm các cầu cảng tổng hợp, container, cầu cảng chuyên dùng, kho hàng hóa, kho CFS, bãi chứa hàng hóa tổng hợp, hàng rời, kho chứa sản phẩm dầu mỏ, cầu cảng công vụ, các công trình điều hành, an ninh cảng; hệ thống giao thông, hệ thống hạ tầng kỹ thuật; hệ thống công nghệ bốc xếp, điều khiển và tự động; hệ thống đường ống xuất nhập hàng lỏng (xăng dầu); là cảng biển đầu mối của tỉnh Quảng Bình với chức năng phục vụ trực tiếp cho Khu kinh tế Hòn La, phục vụ nhu cầu xuất nhập hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, Hà Tĩnh và lân cận, kết hợp tiếp chuyên hàng cho Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, khu vực Đông Bắc Vương quốc Thái Lan.

3. Dự báo quy mô dân số - lao động, công suất quy hoạch cảng

- Dự báo quy mô lao động tại khu vực cảng năm 2025 khoảng 2.419 người, đến năm 2030 khoảng 6.625 người.

- Công suất cảng: Các bến tổng hợp, hàng rời tiếp nhận tàu có trọng tải từ 10.000 ÷ 70.000DWT; Các bến tàu hàng lỏng/khí tiếp nhận tàu có trọng tải 50.000DWT đến 100.000DWT; Bến tàu du lịch tiếp nhận tàu khách 225.000 GRT.

4. Quy hoạch sử dụng đất

- Trên cơ sở cập nhật, rà soát quy hoạch phân khu đã phê duyệt, tổ chức phân khu thành 03 khu chức năng chính: (1) Khu bến phía Bắc, (2) Khu bến công vụ, cảng cá; (3) Khu bến, kho bãi và nhà máy phía Nam:

+ Khu bến phía Bắc gồm toàn bộ Bến cảng tổng hợp PTSC đang khai thác và Bến cảng tổng hợp quốc tế Hòn La.

+ Khu bến công vụ, cảng cá tiếp giáp đê chắn sóng D1, gồm các bến tàu công vụ, cảng cá, bến đón/trả và trung chuyển khách cho bến cảng tàu khách quốc tế.

+ Khu bến, kho bãi, nhà máy phía Nam bao gồm các dự án đang xây dựng, khai thác (DKC Hòn La, Nhà máy chế biến khoáng sản Hoàng Long; Dohwa..) và các dự án đã cấp chứng nhận đầu tư (Kho ngoại quan Petro Lào), khu bến cảng chuyên dùng, cảng tổng hợp phía Nam. Đồng thời bố trí khu bến này phù hợp Quy hoạch Quốc gia (Quyết định 1579/QĐ-TTg).

Chức năng và chỉ tiêu sử dụng đất tổng hợp theo bảng sau (chi tiết theo bản vẽ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất được phê duyệt):

TT	Ký hiệu	Khu chức năng	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (trên toàn khu) (%)	Hệ số SDD tối đa (trên 1 khu đất) (lần)
A	Khu A - khu bến phía Bắc		364.153,20	16,26%	
I	Khu văn phòng		10.110,13	0,45%	3,0
II	Khu trung chuyển hàng hóa và Logistics		178.059,18	7,95%	3,0
III	Hạ tầng - kỹ thuật chung		21.685,61	0,97%	3,0
IV	Giao thông và công kiểm soát		137.549,33	6,14%	
V	Cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly		16.748,95	0,75%	
B	Khu B - khu bến công vụ và cảng cá		64.811,69	2,89%	
C	Khu C - khu bến phía Nam		1.811.099,23	80,85%	
I	Khu văn phòng		24.362,68	1,09%	3,0
II	Khu trung chuyển hàng hóa và Logistics		1.244.768,23	55,57%	3,0
III	Hạ tầng - kỹ thuật chung		74.570,27	3,33%	3,0
IV	Đường giao thông và công kiểm soát		370.883,62	16,56%	
V	Cây xanh cảnh quan, cây xanh cách ly		96.514,43	4,31%	
Tổng diện tích quy hoạch			2.240.064,12	100,00%	

5. Phân khu chức năng và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

5.1. Quan điểm phát triển:

- Tuân thủ theo các quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết liên quan đã được phê duyệt.
- Hiện đại, hài hòa với không gian cảnh quan khu vực vịnh Hòn La, Mũi Rồng.
- Đồng bộ về hạ tầng trong và ngoài dự án, trong đó ưu tiên giao thông đường bộ và đường thủy, cấp điện, cấp nước, vệ sinh môi trường.
- Khai thác quỹ đất hợp lý, làm cơ sở xây dựng hệ thống cảng biển quy mô lớn, hiện đại.

5.2. Tổ chức phát triển không gian kiến trúc, cảnh quan:

Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan hợp lý, kế thừa nội dung quy hoạch đã duyệt, rà soát hiện trạng và điều chỉnh quy hoạch để đáp ứng quy hoạch phát triển khu bến cảng Hòn La theo Quy hoạch quốc gia; trong đó tổ chức không gian quy hoạch theo 03 phân khu chính:

- Khu bến phía Bắc: Chính trang khu bến cảng PTSC (hiện đang khai thác), tổ chức kết nối với bến cảng Tổng hợp Quốc tế Hòn La.

- Khu bến công vụ + cảng cá: gồm các bến cảng tàu công vụ, phục vụ lực lượng Hải Quan, Biên phòng, Cảng Vụ, Cảnh sát biển, Bảo đảm an toàn hàng hải, bến cảng cá... bao gồm một số hạng mục đã xây dựng. Bố trí bến cảng đón trả khách trung chuyên cho Bến tàu khách quốc tế tại đê chắn sóng phía Đông; Bổ sung quy hoạch bãi tập kết phương tiện nhằm giải tỏa ùn tắc giao thông tại cổng cảng PTSC và trực đường ra khu bến phía Đông (trên đê chắn sóng D1, D2).

- Khu bến phía Nam: Cập nhật các dự án triển khai đã được cấp chủ trương đầu tư gồm: Kho ngoại quan Petro Lào, Kho xăng dầu DKC Hòn La + cầu cảng DKC Hòn La cho tàu 50.000DWT đến 70.000DWT, Nhà máy chế biến khoáng sản Hoàng Long, Bến cảng chuyên dùng Hoàng Long; Nhà máy chế biến viên nén gỗ Dohwa... Đồng thời bố trí phát triển các cầu cảng phía Nam theo Quy hoạch chi tiết Nhóm cảng biển số 2, bao gồm 08 cầu cảng tiếp nhận tàu trọng tải từ 30.000 đến 70.000DWT, 01 cầu cảng xăng dầu tiếp nhận tàu có trọng tải đến 70.000DWT. Bố trí hệ thống kho bãi đảm bảo cho việc phát triển cảng chuyên dùng cũng như hàng tổng hợp, hàng rời, container.

- Quy hoạch đê chắn sóng phía Đông và bến tàu khách du lịch tiềm năng phát triển, điều chỉnh hướng tuyến để đảm bảo chắn sóng ngoài khơi trực tiếp vào bể cảng. Quy hoạch đê chắn sóng phía Nam nhằm đảm bảo bố trí bến xăng dầu trọng tải 100.000 DWT; đồng thời hình thành bể cảng khép kín, đảm bảo chắn sóng Đông Nam trong các điều kiện gió mùa và gió bão.

- Đối với bến tàu khách du lịch phía Đông tại vị trí đê chắn sóng (phía Nam đảo Hòn La), do khu vực đất liền tiếp giáp bến tàu tại đảo Hòn La thuộc vùng đất quân sự, do đó, giải pháp trung chuyển hành khách từ ngoài bến vào bờ là sử

dụng tàu nhỏ, thuyền du lịch trung chuyên. Vị trí bến đón khách trong đất liền bố trí tại Khu bến công vụ và cảng khách thuộc khu B của phân khu Cảng Hòn La.

- Phương án tổ chức cây xanh: Cây xanh khu vực cảng tổ chức tập trung dưới dạng các dải cây xanh cách ly dọc theo ranh giới phía Tây và phía Nam khu vực cảng; các trục đường nội bộ trong khu vực cảng chủ yếu tổ chức phân luồng bằng các vạch dẫn hướng mà không tổ chức vỉa hè theo hình thức giao thông đô thị; tổ chức cây xanh nội bộ tại các khu chức năng, quy định mật độ xây dựng tối đa cho các khu vực thực hiện dự án khoảng từ 30%-70%; tầng cao xây dựng tối đa 3 tầng đối với khu vực bãi hàng và 5 tầng đối với các khu vực kho bãi, văn phòng.

6. Quy hoạch hệ thống cầu cảng (thực hiện cập nhật số liệu theo các quy hoạch chuyên ngành); một số nội dung chính như.

6.1. Quy hoạch tuyến bến cảng và vùng nước đậu tàu:

- Cỡ tàu khai thác: tàu hàng tổng hợp, hàng rời trọng tải 70.000 - 100.000 tấn. Tàu hàng lỏng 30.000 - 100.000 tấn. Tàu khách quốc tế 225.000 GRT.

- Số lượng cầu cảng khu bến phía Bắc: 06 cầu cảng cho tàu trọng tải 10.000 ÷ 100.000 tấn. Tổng chiều dài cầu cảng: 1.395m.

- Tổng số lượng cầu cảng khu bến phía Nam: 10 cầu cảng, gồm có 02 cầu cảng xăng dầu dài 240m và 08 cầu cảng tổng hợp cho tàu 10.000÷70.000 tấn, tổng chiều dài cầu cảng 1.670m.

- Bố trí 02 tuyến đê chắn sóng, gồm: Đê chắn sóng phía Đông dài 670 m; Đê chắn sóng phía Nam dài 530m.

- Quy hoạch 01 cầu cảng xăng dầu tiếp giáp đê chắn sóng phía Nam, chiều dài 250m đủ tiếp nhận tàu trọng tải 100.000 tấn.

- Quy hoạch 01 cầu cảng khách tiếp giáp đê chắn sóng phía Đông dài 300m, tiếp nhận tàu khách 250.000 GRT.

6.2. Luồng hàng hải và kế hoạch cần thiết đầu tư nâng cấp tuyến luồng:

Để thực hiện kế hoạch dài hạn phát triển khu bến Hòn La năm 2025 và giai đoạn 2026-2030; cần đầu tư nạo vét, nâng cấp luồng hàng hải Hòn La đáp ứng cỡ tàu khai thác 50.000DWT và 70.000DWT giảm tải; dự kiến kế hoạch như sau:

TT	Giai đoạn	Chuẩn tắc luồng	Cỡ tàu khai thác	Cao độ nạo vét
1	2024-2025	B = 100,0 m	30.000DWT	-10,5m
2	2026-2030	B = 120,0 m	50.000DWT	-12,5m
3	Sau 2030	B = 120,0m	70.000DWT	-13,5m

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

7.1. Quy hoạch san nền, chuẩn bị kỹ thuật, thoát nước mưa:

a. Cao độ san nền không chế theo cao độ các trục đường giao thông và cos không chế của cầu cảng trong khu vực; các lô đất tổ chức san nền cục bộ, khu

vực nhà máy hiện trạng sẽ san nền dốc về phía biển, các khu vực kho bãi, kho hàng tiếp giáp cầu cảng sẽ san nền dốc từ giữa các lô ra các tuyến giao thông; cốt nền thấp nhất khu vực quy hoạch mới khoảng +3,34 m, với các độ dốc san nền lựa chọn từ 0,2% đến 0,3%; khu vực hiện trạng tiếp giáp đường 27m tổ chức san nền cơ bản theo địa hình tự nhiên và cao độ tuyến đường 27m, cao độ san nền trung bình từ khoảng 4,6m đến 9,4m.

b. Thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước mưa thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước thải theo nguyên tắc tự chảy, hướng thoát nước chính từ Tây sang Đông, Bắc xuống Nam; nước mưa thu gom về các tuyến cống và thoát ra cửa xả về phía biển. Sử dụng các hố thu nước trên mặt bằng, kết hợp mương BTCT và cống tròn BTCT, kích thước cống biến đổi từ D600mm ÷ D2000, hệ thống cống bố trí dọc theo các tuyến đường nội bộ trong khu vực lập quy hoạch.

- Khu vực kho bãi, kho hàng phía Cảng: Hệ thống thu nước mặt thu gom theo các đường ống D600 quanh các lô đất, chảy vào các tuyến ống chính D1000 – D1500 và thoát ra các cửa xả D2000 đặt tại các vị trí phía cầu cảng và đê chắn sóng phía Nam.

- Khu vực đất nhà máy: Hệ thống thoát nước khu vực thu gom về tuyến thoát nước mặt hai bên trục giao thông chính kích thước 1x1,2m sau đó kết nối với các tuyến chính có đường kính D1500 và D2000 để thoát về khu vực cầu cảng và Đê chắn sóng phía Nam.

7.2. Quy hoạch hệ thống giao thông:

a. Tổ chức giao thông theo công năng cảng tại phân khu, bao gồm trục giao thông chính từ KCN Hòn La kết nối ra đảo Hòn Cỏ (trục đê chắn sóng D1-D2) vào bên cảng tổng hợp PTSC và Bên cảng tổng hợp quốc tế Hòn La. Đối với khu bến tổng hợp phía Tây và các bến cảng chuyên dùng phía Nam, tổ chức giao thông trục chính theo hướng Tây - Đông kết hợp các tuyến đường nội bộ tạo thành ô bàn cờ, đáp ứng việc phát triển hạ tầng logistics và kho bãi hậu cần cảng.

b. Giao thông đối ngoại kết hợp trục chính cho khu vực bến cảng phía Bắc: Tuyến đường trục chính Khu vực ra đảo Hòn cỏ (mặt cắt 12-12) rộng 27,0m trong đó: lòng đường 2x10,5m=21,0m; dải phân cách đường rộng 2,0m; hành lang lưu không an toàn giao thông rộng 2,0m.

c. Giao thông trục chính khu vực bến phía Nam và Khu vực đất nhà máy kho bãi: Tổ chức các tuyến đường giao thông nội khu chủ yếu theo hình thức ô bàn cờ; bề rộng mặt cắt các tuyến đường từ 15m đến 50m; trong đó một số tuyến chính có bề rộng từ 30m đến 40m.

7.3. Quy hoạch cấp nước - PCCC:

- Hệ thống cấp nước chung cho Phân khu cấp từ hệ thống cấp nước chung của Khu kinh tế Hòn La (đường ống cấp nước theo quy hoạch chung D200 từ Nhà máy nước sạch Quảng Châu và Nhà máy nước Hồ Sông Thai, xác định điểm đầu nối tại lô HT6 thuộc ranh giới điều chỉnh quy hoạch phân khu).

- Đường kính ống cấp nước từ D110-D200, đường ống dùng là ống nhựa HDPE mạng vòng (mạng chính với đường kính D200), và mạng cắt (mạng phân phối với đường kính D110 - D140); bao gồm trục cấp nước bên cảng phía Bắc theo tuyến đường 27m từ lô HT6 ra bến cảng PTSC đến trạm bơm và bể chứa 300m³/ng.đ tại lô HT1; trục cấp nước bên cảng phía Nam đến trạm bơm và bể chứa 1000m³/ng.đ tại lô HT6. Các tuyến ống cấp nước bố trí đi dọc theo trục đường giao thông nội bộ khu vực cảng.

- Giải pháp tăng áp, trạm bơm: Nguồn cấp nước dẫn về trạm bơm chính tại lô HT6 để bơm vào mạng lưới cấp cho khu bên phía Nam đồng thời cấp cho khu bên phía Bắc thông qua trục D200 chạy dọc đường 27m ra đảo Hòn Cỏ. Thông qua trạm bơm 300m³/Ng.đ tại lô HT1 cung cấp nước cho cảng PTSC và Bến cảng quốc tế Hòn La.

- Giải pháp quy hoạch cấp nước PCCC:

+ Nguyên tắc bố trí: Hệ thống phòng cháy chữa cháy trong dự án đảm bảo PCCC các công trình: Bến cảng, nhà văn phòng, hệ thống đường ống.... Các dự án Tổng kho, kho xăng dầu có thiết kế hệ thống PCCC riêng.

+ Trên các trục đường chính, tại các tuyến ống có D=110mm sẽ đặt các trụ/hạng chữa cháy. Trụ chữa cháy đặt tại các vị trí thuận lợi (tại các ngã giao và các vị trí quan trọng khác) cho xe chữa cháy dễ dàng thao tác khi có cháy. Khoảng cách giữa các trụ/hạng chữa cháy từ 100 - 150m.

+ Trong các công trình dịch vụ, kho, xưởng,... bố trí hạng chờ cấp nước chữa cháy để phòng trường hợp nguồn nước chữa cháy ban đầu không đủ khả năng cung cấp thì xe chữa cháy sẽ bơm nước qua hạng chờ chữa cháy này để tăng cường thêm nguồn nước chữa cháy, cũng như trong trường hợp trụ cứu hỏa bị sự cố hoặc nguồn nước dự trữ ban đầu đã cạn kiệt.

+ Đối với 03 kho xăng dầu: Kho ngoại quan Petro Lào (lô XD2), Kho xăng dầu DKC Hòn La (lô XD1), Kho xăng dầu dự trữ (lô XD3) thiết lập hệ thống PCCC cố định và tự động hóa riêng theo quy chuẩn của kho xăng dầu.

7.4. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện lấy từ lưới điện quốc gia thuộc KCN Cảng biển Hòn La (Trạm trung thế cấp 110 KVA đã xây dựng tại lô đất HT6. Với công suất nguồn yêu cầu là 3200 KVA). Hệ thống đường dây 22KV và 0,4KV kết hợp đi nổi ở các Khu vực đất nhà máy kho bãi phía Khu công nghiệp Cảng Biển Hòn La (đã đầu tư xây dựng) và đi ngầm đối với Khu vực Cảng phía Bắc và Phía Nam (quy hoạch mới).

+ Xây dựng mới tuyến đường dây trung thế 22kV đi ngầm dọc theo các trục đường chính khu vực cầu cảng phía Nam và đường bao dọc tuyến kè chắn sóng phía Nam. Đường dây trung thế ngầm 22kV sử dụng cáp bọc chạy dọc theo các trục đường chính trong khu vực kho bãi của cảng.

+ Tuyến đường dây trung thế đi nổi hiện đã xây dựng tại các Khu vực xung quanh dự án Kho xăng dầu Petro Lào và dọc trục đường 27m nổi ra đảo Hòn Cỏ

và đang cấp điện cho Nhà máy chế biến khoáng sản Hoàng Long, Kho xăng dầu DKC Hòn La, bến cảng cá Phước Thịnh, bến cảng PTSC Hòn La.

+ Đường dây trung thế đi nổi 22kV (hiện trạng) trực chính sử dụng cáp bọc chạy dọc theo các trục đường chính trong khu quy hoạch. Các tuyến nhánh cấp nguồn cho các trạm biến áp xây dựng mới..

+ Bố trí 04 trạm biến áp cung cấp điện cho khu vực hành chính, khu vực thiết bị bốc xếp và cấp điện sinh hoạt, kho lạnh, kho xăng dầu... Các Trạm biến áp thiết kế mới dạng trạm giàn hoặc trạm nền có công suất từ 100kVA đến 3.200kVA.

- Giải pháp thiết kế chiếu sáng:

Bố trí chiếu sáng đường nội khu:

+ Sử dụng trụ thép mạ kẽm cao khoảng 10m, cần đèn đơn vươn 1,5m.

+ Sử dụng đèn chiếu sáng đường phố bóng Led 150W/220V.

+ Khoảng cách bố trí giữa các trụ đèn: 30m đến 50m.

+ Bố trí trụ đèn đối xứng hai bên đường hoặc so le (tùy theo các khu vực).

Bố trí hệ thống chiếu sáng cho khu vực bãi hàng hóa và nội cảng:

+ Sử dụng trụ thép mạ kẽm cao khoảng 25m, giàn đèn pha nâng hạ. Mỗi trụ lắp 12 đèn pha led 600W.

+ Bố trí các trụ chiếu sáng xung quanh các khu vực bãi.

7.5. Quy hoạch thoát nước thải:

- Nước thải thu gom theo nguyên tắc tự chảy, độ sâu chôn cống ban đầu tính tới đỉnh cống tối thiểu 0,7m; Nước thải sinh hoạt từ các công trình sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn cũng sẽ thu gom để đưa về trạm xử lý; Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn chất lượng theo QCVN 40:2011/BTNMT sẽ ra nguồn tiếp nhận.

- Tại những chỗ đặt cống có độ sâu $\geq 4m$, bố trí bơm nâng bậc với chiều cao lực nâng bằng độ chênh lệch hình học từ mực nước thấp nhất trong hầm bơm cộng thêm lực nâng bổ sung cho sự tiêu hao năng lượng trong đường ống áp lực từ trạm bơm đến hồ ga tiếp nhận.

- Cống thoát nước sử dụng cống HPDE, với đường kính D300 - D400.

- Lựa chọn thiết bị xử lý: Bố trí 2 trạm xử lý cho dự án. Công suất trạm xử lý đảm bảo đủ khả năng xử lý lượng nước thải theo tính toán. Dự kiến trạm xử lý khu vực A có công suất 180 m³/ngđ, tại khu vực C có công suất 520 m³/ng.đ. Nước Thải xử lý xong sẽ xả ra hệ thống thoát nước mưa gần nhất.

7.6. Quy hoạch quản lý chất thải rắn: Rác thải thu gom và phân loại từ các thùng rác đặt rải rác trong cảng, đưa về khu vực tập kết rác, sau đó sẽ thuê đơn vị chuyên trách vận chuyển đến trạm thu gom chất thải rắn tập trung đảm bảo xử lý lượng rác thải sinh hoạt khoảng 0,4T/ha.

7.7. Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Hệ thống cáp tín hiệu điều khiển thiết bị bốc xếp và kiểm soát an ninh cảng bố trí đi ngầm kết hợp hệ thống tín hiệu không dây.

- Hệ thống nội bộ bao gồm mạng cáp điện thoại, mạng LAN và cáp quang đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về viễn thông và điều khiển.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 3761/QĐ-UBND ngày 16/11/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phân khu xây dựng cảng Hòn La, tỷ lệ 1/2.000.

Giao Ban Quản lý Khu kinh tế: Phối hợp UBND huyện Quảng Trạch tổ chức công bố, công khai quy hoạch được phê duyệt để nhân dân, các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết, thực hiện; Thực hiện phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được duyệt sau khi lấy ý kiến thống nhất của Sở Xây dựng.

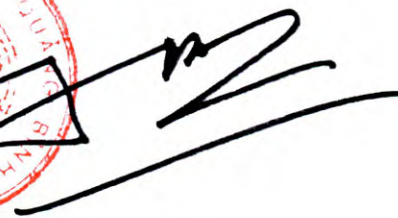
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Quảng Trạch; Chủ tịch UBND xã Quảng Đông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Thắng